

Bản án số: 118/2026/HS-ST
Ngày: 18-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khoa;

Ông Lưu Văn Đê.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thanh Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 109/2026/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 2000. Nơi sinh và nơi cư trú: **Thôn N, xã N, tỉnh Ninh Bình**; căn cước công dân số 036200019981 ngày 22/12/2021; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn H1** và bà **Phạm Thị N**; chị em ruột có 03 người, bị cáo là thứ nhất; vợ là **Trần Thị Thùy T**, sinh năm 2002, đã ly thân từ năm 2023; bị cáo chưa có con; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 29/8/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Chấp hành xong ngày 28/12/2024.

Nhân thân: Ngày 18/01/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 29/10/2021.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam **H**, Trại tạm giam số 3, **Công an tỉnh N**.

- Bị hại: Bà **Lại Thị C**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: **Thôn A, xã R, tỉnh Ninh Bình**.

- Người làm chứng:

1. Chị **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1997;

2. Anh **Nguyễn Thái Đ**, sinh năm 1987.

(Có mặt bị cáo; vắng mặt bà **C**, chị **H2**, anh **Đ**).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 29/4/2026, bà **Lại Thị C** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A màu xanh, biển số 18L1-624.92 đến để nhờ trong sân nhà chị **Nguyễn Thị H2**, ra đường chính bắt xe khách lên Hà Nội. Khi dựng xe trong sân nhà chị **H2**, bà **C** cắm chìa khóa ở ổ khóa, không khóa cổ, không khóa càng.

Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 29/4/2026, **Trần Văn H** đi đến khu vực **nhà thờ P** thuộc **thôn C N, xã R** thì phát hiện trong sân nhà chị **H2** đang dựng 01 xe mô tô đang cắm sẵn chìa khóa, cổng mở. **H** quan sát xung quanh không thấy người trông nhà, trông xe nên đã lén lút vào dắt xe ra ngõ, nổ máy đi. Khi đến **cầu T thuộc xã N**, **H** tháo biển số 18L1-624.92 vứt xuống sông, điều khiển xe đi lên Hà Nội.

Sáng ngày 08/5/2026, bà **C** về nhà chị **H2** thì không thấy xe mô tô, bà **C** cùng chị **H2** đã đến **Công an xã R** trình báo. Chiều cùng ngày, **H** đem chiếc xe lấy từ nhà chị **H2** đến **Công an xã R** đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội, tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô kẻ trên cho Cơ quan điều tra.

Kết luận số 78/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2026, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **xã R** xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A màu xanh, không biển số, số khung RLHJA3934PY103532, số máy JA70E0147322 đã qua sử dụng trị giá 8.000.000đ.

Kết luận giám định số 2282/KL-KTHS ngày 07/6/2026, **Phòng K Công an tỉnh N** kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt hàn, tẩy xóa, thay đổi, sửa chữa, đóng đục lại số khung, số máy của xe mô tô gửi giám định. Số khung, số máy nguyên thủy của xe là: Số khung RLHJA3934PY103532, số máy JA70E-0147322.

Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh N** đã tạm giữ của chị **Nguyễn Thị H2** 01 USB bên trong có video về nội dung vụ việc “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 29/4/2026 tại **thôn C N, xã R**. Kết luận giám định số 2902/KL-KTHS ngày 15/6/2026, **Phòng K Công an tỉnh N** kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong toàn bộ mẫu cần giám định từ A1 đến A6.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Xe mô tô Honda Wave A màu xanh không gắn biển số, số khung RLHJA3934PY013532, số máy JA70E-0147322 là tài sản hợp pháp của bà **Lại Thị C** nên đã trả lại cho bà **C**. Bà **C** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số 77/CT-VKS-KV11 ngày 30/7/2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình đã truy tố bị cáo **Trần Văn H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Văn H** khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Trần Văn H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Văn H** từ 12 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2026; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo không tranh luận.

Nói lời sau cùng: Bị cáo hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 29/4/2026, **Trần Văn H** đi đến khu vực **nhà thờ P** thuộc **thôn C N**, xã **R**, tỉnh **Ninh Bình** thì phát hiện tại sân nhà chị **Nguyễn Thị H2** đang dựng một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A biển số 18L1-624.92 trị giá 8.000.000đ của bà **Lại Thị C**. Nhìn thấy chìa khóa xe cắm ở ổ, không có người trông coi nên **H** đã lén lút dắt xe ra cổng, nổ máy đem đi Hà Nội mục đích bán lấy tiền ăn tiêu. Biết hành vi đã bị phát hiện, **H** đến **Công an xã N** đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội, tự nguyện giao nộp xe trả lại cho bị hại. Hành vi nêu trên của bị cáo **Trần Văn H** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Ninh Bình truy tố bị cáo ra

trước Tòa án nhân dân khu vực 11- Ninh Bình để xét xử với tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngày 18/01/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 29/10/2021. Bị cáo là người nghiện ma túy, ngày 29/8/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 28/12/2024. Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thật thà ăn năn hối lỗi. Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến Công an xã R đầu thú, tự nguyện khắc phục hậu quả. Bị hại bà Lại Thị C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo đã thực sự ăn năn hối lỗi, được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của Kiểm sát viên và bị cáo tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều thể hiện: Bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã trả lại cho bà Lại Thị C 01 chiếc xe mô tô Honda Wave A màu xanh mà bị cáo đã chiếm đoạt. Bà C đã nhận tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về vật chứng:

Chiếc xe mô tô Honda Wave A màu xanh, không gắn biển số, có số khung RLHJA3934PY013532, số máy JA70E-0147322 là tài sản hợp pháp của bà Lại Thị C nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà C sở hữu là phù hợp.

Đối với biển số 18L1-624.92: Trần Văn H đã tháo và vứt xuống sông Đ thuộc xã N, tỉnh Ninh Bình. Do không xác định được vị trí cụ thể, không truy tìm được vật chứng nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

1.1. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2. Xử phạt bị cáo **Trần Văn H** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 5 năm 2026.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo **Trần Văn H** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo **Trần Văn H** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà **Lại Thị C** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 11;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 11;
- UBND xã Rạng Đông;
- Bị cáo; bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Hòa

